TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16**/2026/HS-ST
Ngày: 19/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Ông Đỗ Văn Tuân - Nguyên Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Phú Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh năm 2005 tại P, Kiên Giang. ĐKTT: Không có nơi đăng ký thường trú; Chỗ ở: Khu phố D D, đặc khu P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Không rõ và bà Lê Thị C, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2/ Họ và tên: **Trần Văn A**, sinh ngày 01/01/2004 tại An Giang. ĐKTT: Khóm P, xã P, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Khóm P, xã P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: Không; Con ông Trần Văn B (không rõ năm sinh) và bà Trần Thị Kim B1, sinh năm 1980 (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn H:* Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

** Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Văn H:* Ông **Trần Tuấn A1** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T, tỉnh An Giang (Có mặt).

** Người bị hại:*

- Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1953 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 30/8/2022, Lê Văn H rủ Trần Văn A đến khu vực Chợ Đ P, thuộc khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố B D, đặc khu P, tỉnh An Giang) trộm cắp tài sản, A đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, A và H đi bộ trong khu vực C1 đêm P thì thấy bà Phan Thị N đang nằm ngủ trên sạp bán đồ của người dân, A và H đi đến chỗ bà N, A đứng cách khoảng 05m để canh đường, còn H lén lút lấy trộm 01 cái túi bằng giấy của bà N để bên cạnh, khi A và H đang bỏ đi thì bà N thức giấc phát hiện nên A và H bỏ chạy đến chỗ vắng người, kiểm tra bên trong túi có số tiền 14.090.000 đồng, 02 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ và 01 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 05 chỉ, H vứt bỏ túi giấy không giá trị. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi A và H đã tiêu xài cá nhân hết 100.000 đồng thì bị Công an phát hiện bắt thu giữ số tiền 13.990.000 đồng, 02 nhẫn vàng 24K và 01 dây chuyền vàng 24K. Từ ngày 02/4/2025 đến ngày 23/9/2025, Trần Văn A và Lê Văn H lần lượt bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố, bắt tạm giam để điều tra.

*** Tang vật thu giữ:**

+ Tiền Việt Nam 13.990.000 đồng;

+ 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng (mỗi nhẫn bên trong có số 20, hình ngôi sao và có chữ "Trí Phụng");

+ 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, được đan xen nhau bằng các khoen lật.

*** Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 512**/KLGĐĐT-PY ngày 06/7/2023 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh K kết luận Lê Văn H như sau:

- Tại thời điểm giám định ngày 27/6/2023, Lê Văn H có độ tuổi là: **Từ 16 năm 10 tháng đến 17 năm 04 tháng**.

- Tại thời điểm ngày 30/8/2022, Lê Văn H có độ tuổi là: **Từ 16 năm đến 16 năm 06 tháng**.

*** Kết luận giám định số 5318**/KL-KTHS ngày 11/10/2022 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau:

- 02 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, được niêm phong gửi giám định có các thành phần kim loại chính là V (Au). Hàm lượng V (A) trung bình: 98,87%, tổng khối lượng: 15,0216 gam.

- 01 sợi dây chuyền màu vàng loại khoen lật được niêm phong gửi giám định có các thành phần kim loại chính là V (Au). Hàm lượng V (A2): 95,04%, khối lượng: 18,7391 gam.

*** Kết luận định giá tài sản số 58** ngày 20/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố P kết luận như sau:

- Giá trị 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 04 chỉ, tại thời điểm 30/82022, trị giá 20.720.000 đồng.

- Giá trị 01 dây chuyền loại khoen lật vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ, tại thời điểm 30/82022, trị giá 25.900.000 đồng.

Tổng cộng 46.620.000 đồng.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSKV2 ngày 17/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang truy tố bị cáo Trần Văn A và Lê Văn H về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng:

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt cho bị cáo Trần Văn A từ 02 năm đến 02 06 tháng tù.

Điểm c khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Đề nghị mức hình phạt cho bị cáo Lê Văn H từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại bà Phan Thị N không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

** Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Văn H - Ông Trần Tuấn A1 trình như sau:* Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu sự giáo dục của người cha. Sau khi phạm tội cũng không dám tiêu xài tài sản trộm cắp được, bị hại đã nhận lại tài sản nên xử bị cáo mức án 12 tháng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo ăn năn hối cải mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang đã tuân thủ nghiêm các quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ:

a) Các bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 30/8/2022, tại Chợ đêm P, thuộc khu phố B D, đặc khu P, tỉnh An Giang, Trần Văn A và Lê Văn H (16 tuổi) lén lút lấy trộm tài sản của bà Phan Thị N số tiền 13.990.000 đồng, 02 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ và 01 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 05 chỉ.

b) Căn cứ vào kết luận giám định của P tại Thành phố Hồ Chí Minh thì tài sản các bị cáo trộm cắp của bà N là V (A), có hàm V (A) trung bình: 98,87% và 95,04%.

Đồng thời căn cứ vào kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố P thì giá trị 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24k, trọng lượng 04 chỉ trị giá 20.720.000 đồng, giá trị 01 dây chuyền loại

khoen lật vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ trị giá 25.900.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp của bà N gồm tiền mặt và vàng là 60.710.000 đồng.

c) Vật chứng thu giữ gồm: Tiền Việt Nam 13.990.000 đồng, 02 nhẫn bằng kim loại màu vàng và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

d) Qua lời khai của bị hại bà Phan Thị N xác định các bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bà N nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Từ các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận định lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định, kết luận định giá, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để kết luận bị cáo A đã cùng với bị cáo H trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại bằng hình thức lén lút lấy trộm tiền và vàng của bà N. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Các bị cáo là thanh niên có đầy đủ sức khỏe nhưng do lười lao động và lòng tham nên đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu để lấy trộm tài sản của họ nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân.

Xét vai trò của từng bị cáo nhận thấy: Bị cáo Lê Văn H mặc dù khi phạm tội chưa thành niên nhưng bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo A cùng thực hiện tội phạm và bị cáo là người trực tiếp thực hiện việc lấy túi xách của bà N. Bị cáo A mặc dù không trực tiếp lấy trộm túi xách của bà N nhưng là người canh đường cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để thể hiện sự răn đe, giáo giục đối với các bị cáo.

[5] Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát: Tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và trách nhiệm dân sự mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về quan điểm của người bào chữa: Xét thấy có căn cứ nên HDXX chấp

nhận.

[7] Về yêu cầu của bị hại: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại Phan Thị N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[8] Về các vấn đề khác: Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn H** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 30/10/2025.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn A** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn A 02 (hai) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 28/6/2025.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Do bị hại Phan Thị N không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại bà Phan Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 - An Giang;
- CQTHAHS khu vực 2 - An Giang;
- THA khu vực 2 - An Giang;
- CQCSĐT - CA đặc khu Phú Quốc;
- Bị cáo + Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trang